TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/**2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-3-2020
V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Văn Bình

2. Bà Trương Thị Như Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2019/TLST-HNGĐ ngày 16-12-2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị D**, sinh năm 1999 (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Phạm Quang T**, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 03/9/2019, biên bản lấy lời khai ngày 21/01/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trịnh Thị D trình bày:*

Chị và anh Phạm Quang T chung sống với nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/5/2018. Cuộc sống vợ thật sự hạnh phúc được khoảng vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường cãi nhau, anh T không quan tâm đến chị nên làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được do đó vợ chồng đã thật sự ly thân

nhau từ ngày 12/4/2019 đến nay, từ khi ly thân đến nay vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau nữa.

Về con: Vợ chồng chưa có con.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn anh Phạm Quang T;

2. Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chưa có con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa*:**

- Nguyên đơn chị Trịnh Thị D vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Bị đơn anh Phạm Quang T vắng mặt lần thứ hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn chị Trịnh Thị D trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn anh Phạm Quang T trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử;

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về hôn nhân, cho chị Trịnh Thị D ly hôn anh Phạm Quang T; về quan hệ nuôi con chung, về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung, không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo cho bị đơn anh Phạm Quang T biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện *"ly hôn"* của nguyên đơn chị Trịnh Thị D. Nhưng bị đơn anh T

không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh T, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn anh T vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: "*Bị đơn,.....đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt*".

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn anh Phạm Quang T, nhưng bị đơn anh T vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh T, nhưng bị đơn anh T vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị D không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị D và anh Phạm Quang T khi tổ chức hôn nhân, anh chị tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/5/2018. Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo qui định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị D thấy rằng: Theo chị D trình bày cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường cãi nhau làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được và thực tế anh chị đã thật sự ly thân nhau một thời gian dài kể từ tháng 4 năm 2019 đến nay. Từ khi ly thân đến nay thì cả hai bên chị D và anh T không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau.

Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị D và anh T là có thật, phù hợp với lời trình bày của chị D nêu trên, thực tế khi Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án cho anh T nhận trực tiếp và cho đến nay anh T vẫn không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu của chị D mà có ý thức bỏ mặc (Bút lục số 13, 25).

Từ những phân tích, đánh giá trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ nuôi con chung, về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Theo chị D, chị và anh T chưa có con chung, không nợ chung tài sản gì

đối với ai khác, cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc này cũng đã được thông báo cho anh T trong Thông náo thụ lý vụ án để anh T biết, nhưng đến nay anh T không có ý kiến gì phản bác ý kiến của chị D và cũng không có yêu cầu gì khác, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Trịnh Thị D có đơn yêu cầu xin ly hôn nên chị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trịnh Thị D được ly hôn anh Phạm Quang T.

2 - Về quan hệ nuôi con chung, về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Không xem xét.

3 - Về án phí: Chị Trịnh Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007575 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh; chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/3/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Toà án tỉnh KG;*
- *VKS huyện, tỉnh;*
- *Các Đ/s;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *UBND xã Đ;*
- *Lưu (HSVA, VPTA).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh